



## VẤN ĐỀ BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ CỦA LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG: THẢO LUẬN VỀ MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

NGUYỄN VĂN HUY

Bảo tồn và phát huy giá trị của các lễ hội truyền thống đang là một vấn đề nóng của xã hội. Cứ đến mùa xuân về, mùa của các lễ hội, trên các phương tiện thông tin đại chúng luôn đặt ra/phản ánh những bức xúc của xã hội liên quan đến các lễ hội và việc tổ chức lễ hội. Nghiên cứu kỹ những luồng thông tin này có thể nhìn nhận rõ hơn thực trạng của lễ hội và những vấn đề xã hội đang bức xúc và đi tìm nguyên nhân tại sao các lễ hội bây giờ lại gây bức xúc như vậy. Từ những hiện tượng được phản ánh trên các phương tiện truyền thông cho thấy, có nhiều vấn đề nhưng tựu trung có thể quy lại thành 4 vấn đề cần được xem xét trên bình diện khái niệm và phương pháp tiếp cận khoa học. Đó là các vấn đề/khái niệm: *Cộng đồng*, *Nhà nước*, *Phục dựng và phục hồi*, và *Mê tín dị đoan*. Chính vì vậy, bài viết này muốn thảo luận về các vấn đề trên mà chúng tôi cho là rất quan trọng đối với bảo tồn và phát huy các giá trị của lễ hội truyền thống trong bối cảnh cụ thể hiện nay ở nước ta.

### 1. Cộng đồng và vai trò của cộng đồng

Điều rất mừng là hiện nay những người làm công tác văn hóa và di sản đều đã có nhận thức chung: bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa là trách nhiệm trước hết

của cộng đồng. Để đạt được nhận thức tương như đơn giản này là cả một quá trình vận động thực tiễn lâu dài hàng mấy chục năm và sự thay đổi cơ bản tư duy nhận thức. Cách đây 20 - 25 năm chúng ta không thấy hết được vai trò của cộng đồng mặc dù trên thực tiễn cộng đồng luôn giữ vai trò là chủ thể của các hội làng. Các công ước về di sản vật thể và phi vật thể đều khẳng định vị trí và vai trò của cộng đồng, khuyến nghị các quốc gia phát huy vai trò của chủ thể - cộng đồng trong việc bảo vệ các di sản văn hóa.

Nhận thức được vai trò cộng đồng là quan trọng, là quyết định nhưng ở mỗi nước đối tượng cộng đồng, trình độ và năng lực của cộng đồng rất khác nhau. Cơ chế vận hành cộng đồng cũng không giống nhau.

Ở nước ta, lý thuyết về vai trò cộng đồng đã được công nhận nhưng trên thực tế việc tôn trọng vai trò của cộng đồng như những chủ thể của di sản, của lễ hội truyền thống có quyền quyết định đối với các hoạt động của di sản thì lại có khoảng cách rất xa giữa lời nói và hành động, giữa lý thuyết và thực tế. Tại sao lại có khoảng trống đó? Chắc chắn phải bắt đầu từ khái niệm. Thực tiễn nước ta đang đặt ra nhiều câu hỏi: Chúng ta hiểu cộng đồng hiện nay là ai? Họ

gồm những thành phần nào? Vai trò và tiếng nói khác nhau của các thành phần ấy? Bản thân cộng đồng đó thay đổi như thế nào? Họ thực sự có những quyền gì? Cơ chế vận hành của cộng đồng đó như thế nào để đi đến thương thảo, quyết định các vấn đề liên quan đến lễ hội? Làm thế nào để cộng đồng giải quyết hài hòa các lợi ích trong nội bộ cộng đồng? Mối quan hệ giữa tổ chức Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể khác và cộng đồng trong việc vận hành các hoạt động của di sản ra sao? Rất nhiều câu hỏi liên quan đến khái niệm quản lý cộng đồng cần phải làm sáng tỏ, nếu không thì không thể vận hành được khái niệm này.

Cấu trúc xã hội và cơ chế xã hội của chúng ta hiện nay khác rất xa so với xã hội Việt Nam trước Cách mạng. Xã hội Việt Nam trước đây là xã hội nông nghiệp, người nông dân chủ yếu sống ở nông thôn; cơ chế xã hội theo cách tổ chức chính quyền của thực dân Pháp kết hợp với các tổ chức xã hội truyền thống như phe giáp, lứa tuổi hoặc những tổ chức tương tự như họ đạo/họ thánh... Còn hiện nay, kinh tế - xã hội phát triển, hội nhập trong nước và quốc tế. Cơ cấu xã hội nông thôn thay đổi căn bản. Phe giáp vốn giữ vị trí nhất định trong việc tham gia lễ hội không còn tồn tại. Thành phần cư dân nông thôn đa dạng và phức tạp hơn. Nhiều thành phần xã hội với các nghề nghiệp khác nhau, khu vực làm việc khác nhau (nhà nước, tư nhân, tự do...), hưu trí hay cựu chiến binh cùng sống trong một làng. Mỗi người lại phụ thuộc/ràng buộc vào địa vực cư trú và vào các đoàn thể khác nhau như Đảng, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ lão, Mặt trận Tổ quốc hay các cấp chính quyền khác nhau, đồng thời còn có các tổ chức tôn giáo ở những địa phương có tôn

giáo đặc thù. Điều quan trọng nhất là tất cả xã hội, mọi hoạt động của các tổ chức xã hội đều do Đảng lãnh đạo thông qua các cấp ủy và chính quyền địa phương. Tình hình này rất khác với các nước đang phát triển (trừ Trung quốc, Lào, Cu Ba, Triều Tiên). Các lễ hội hiện nay đều được tổ chức dưới sự điều hành của Ban Khánh tiết, Ban Quản lý di tích và Ban Tổ chức lễ hội với sự tham gia của đại diện chính quyền, nhiều tổ chức gắn chặt với các tổ chức xã hội trên. Đây là một đặc điểm có thể rất đặc thù Việt Nam. Cho nên vấn đề cơ chế phát huy vai trò của cộng đồng, cộng đồng với tư cách là người quyết định việc bảo tồn và phát huy các giá trị của di sản và lễ hội truyền thống sẽ được thực hiện/vận hành như thế nào đang trở thành một vấn đề rất quan trọng mà khó có sẵn mô hình nào trên thế giới có sự tương đồng. Làm thế nào để chia sẻ, thảo luận và thương thảo về các vấn đề liên quan đến lễ hội trong cộng đồng? Làm thế nào để quyền đó của cộng đồng không trở nên hình thức, giả tạo mà được thực hành một cách thực chất. Vấn đề này cũng không nằm ngoài bối cảnh chung, vấn đề bức xúc chung của xã hội còn chưa được giải quyết một cách thỏa đáng là làm thế nào để các quyết định của Đảng và Nhà nước phù hợp với nguyện vọng và ý chí của người dân, thực thi dân chủ thực sự trong đời sống xã hội. Đây là vấn đề rất khó, nếu không giải quyết thấu đáo thì vai trò của cộng đồng sẽ chỉ là lời nói suông, chỉ có tính hình thức. Chúng ta đã có nhiều bài học tốt và chưa tốt về vấn đề xây dựng cơ chế phát huy vai trò thực sự của cộng đồng này trong việc quản lý và tổ chức lễ hội nhưng chưa được tổng kết, thảo luận một cách thấu đáo.

Ở một khía cạnh khác có thể nhận thấy, cộng đồng bây giờ tuy đa dạng và phức tạp nhưng nhìn chung trình độ dân trí ngày

càng được nâng cao. Người dân đã tiếp cận được nhiều thông tin, nhất là thông tin kinh tế, xã hội từ nhiều nguồn khác nhau. Tuy vậy, việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa lại là một lĩnh vực chuyên biệt rất nhạy cảm, với nhiều quan niệm cũng như phương pháp tiếp cận mới. Bởi nhiều lý do, cộng đồng chưa có được nhận thức đầy đủ, chưa được cập nhật thông tin về quan điểm và phương pháp bảo tồn đúng nguyên tắc. Một khi chưa đủ nhận thức, chưa đủ thông tin thì việc cộng đồng quyết định số phận của di sản, như thay đổi những thành tố của lễ hội, thêm cái này, bớt cái kia khi điều kiện kinh tế, xã hội, môi trường, tâm lý con người có rất nhiều thay đổi, và cả khi nghe theo một nhóm chuyên gia hay tổ chức xã hội nào đó với những ý đồ, mục tiêu riêng nhất thời, lại trở nên nguy hiểm. Chẳng hạn như từ sự việc mới xảy ra, cộng đồng Hội những người yêu dân ca Quan Họ vì yêu mến Quan Họ nên họ đã đứng ra đề xuất tổ chức cho 3.000 người đồng ca Quan Họ vào ngày khai mạc Hội Lim để nhằm khuyến khích quảng bá Quan Họ cho thế giới biết thông qua cái gọi là “một kỷ lục”, có thể rút ra bài học gì? Đó là tình yêu của cộng đồng với di sản là vô bờ bến nhưng họ không đủ thông tin để hiểu cách bảo tồn hay cách quảng bá Quan Họ như thế nào là thực sự đúng đắn, trung thành với chân giá trị của di sản. Họ cũng không đủ thông tin để hiểu hành động như thế nào là làm hại đến uy tín và cộng đồng Quan Họ khi nghe tư vấn của một trung tâm chuyên khuyến khích về kỷ lục. Một thí dụ khác cũng tương tự như trường hợp Quan Họ nhưng đã xảy ra trước mấy năm. Đó là cộng đồng ở nhiều địa phương trong cả nước, kể cả từ Thành phố Hồ Chí Minh cũng lao vào đua nhau tạo lập kỷ lục về bánh chưng và bánh dày to nhất để dâng Vua Hùng trong

lễ tế tổ<sup>1</sup>. Cuối cùng sản phẩm kỷ lục là những bánh chưng, bánh dày độn sốp, bánh thì mốc, cả hình thức lẫn chất lượng đều phản cảm... Đáng tiếc là những hành động như vậy của cộng đồng không được đánh giá phê bình một cách nghiêm túc để điều chỉnh cho tốt hơn, tức là cần làm tốt việc cung cấp cho cộng đồng thông tin để họ có một nền tảng tiếp cận đúng với việc bảo tồn di sản của mình. Nhân đây cũng phải nói thêm rằng, nhiều khi cộng đồng bị nhiễu thông tin thì các phương tiện truyền thông lại có xu hướng khuyến khích trưng những biểu hiện tiêu cực này.

Khi bàn về cộng đồng cũng không thể không đề cập tới vấn đề nhóm lợi ích mà tạo ra những ảnh hưởng khác nhau trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị của di sản, lễ hội. Chẳng hạn, ở đền Hùng, người ta chọn ông từ lại bằng cách tổ chức thi tuyển trình độ, một việc làm rất hy hữu, và bằng cách đó không bao giờ những “lão nông chi điền” thực sự am hiểu phong tục địa phương lại được tuyển khi thi tài năng với các vị cán bộ đã bao năm thoát ly nay hưu trí trở về sống tại địa phương quê nhà muốn nắm giữ chức “từ đền”. Phải chăng những vấn đề lợi ích chi phối những quyết định này của cộng đồng?

Từ những điểm trình bày ở trên, một điều quan trọng cần rút ra là muốn cộng đồng làm chủ di sản một cách lành mạnh, đúng hướng thì họ phải dựa trên nền tảng được cung cấp đầy đủ thông tin về kinh nghiệm trong nước và trên thế giới trong việc bảo vệ di sản và được tiếp cận với

<sup>1</sup><http://kenh14.vn/c44/20110125023243916/nhung-ky-luc-choang-nhat-cua-tet-viet-nam.chn>;  
<http://danso.giadinh.net.vn/21355p0c1003/chiec-banh-day-khong-lo-o-le-hoi-den-hung-de-xem-chu-khong-phai-de-an-.htm>;  
[http://www.ovsclub.com.vn/show\\_article.php?aid=15874&lg=vn](http://www.ovsclub.com.vn/show_article.php?aid=15874&lg=vn)

những quan niệm mới, đúng đắn, về bảo tồn di sản. Có tạo điều kiện cho cộng đồng nắm được thông tin đầy đủ và chính xác thì mới giúp họ đưa ra những quyết định bảo tồn một cách đúng đắn. Chân giá trị của di sản địa phương hiện có là gì? Xung quanh đó có những nguy giá trị nào? Chẳng hạn, chân giá trị của Quan Họ là: nghệ thuật hát đối ngẫu, giá trị âm nhạc, ca từ/văn học dân gian, quan hệ giữa liền anh liền chị, quan hệ giữa các làng quan họ, quan hệ giữa Quan Họ và khách đến thăm, bối cảnh gia đình và cộng đồng của diễn xướng. Còn nguy giá trị là: thương (tiền thương khi hát xướng), tiệc tùng kèm theo các canh hát, tâm lý khuếch trương phóng đại/sân khấu hóa (hát trên sân khấu lớn), tâm lý số đông, tâm lý chạy đua theo truyền thông địa phương/quốc gia (phải được lên truyền hình mới là oai), tâm lý chạy theo bằng công nhận di tích lịch sử (phải được xếp hạng mới thỏa mãn). Trong số các giá trị đó, cần bảo tồn những giá trị gì? Bảo tồn như thế nào? Phát huy giá trị di sản hay làm mới, bổ sung và thay thế các thành tố trong lễ hội truyền thống thì phải như thế nào? Cần xác định thái độ và hành xử như thế nào đối với các nguy giá trị? Tất cả những điều đó được quy định bởi trình độ dân trí của cộng đồng và những người/tổ chức lãnh đạo cộng đồng, bởi họ được cung cấp đầy đủ thông tin về những gì liên quan tới bảo vệ di sản văn hóa, nhất là lễ hội.

Vấn đề quan trọng nhất ở đây là cần phải tiếp tục xây dựng cơ chế, chính sách, các văn bản hướng dẫn và các tài liệu hỗ trợ (ví dụ như sổ tay tập huấn/cẩm nang về di sản và cộng đồng) đảm bảo cho cộng đồng thực sự làm chủ di sản của mình. Có thể nói, đây chính là khâu yếu nhất hiện nay. Vì thế, cần phải đặc biệt quan tâm nghiên cứu kỹ vấn đề xây dựng cơ chế này.

## **2. Vai trò, trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo tồn và phát huy giá trị của các lễ hội truyền thống**

Không ai có thể phủ định vai trò to lớn và có tính quyết định của Nhà nước trong việc bảo tồn các di sản văn hóa nhất là các lễ hội truyền thống. Vai trò quan trọng nhất của Nhà nước là quản lý/điều tiết việc bảo tồn đó bằng các chủ trương, chính sách và thông qua hệ thống tổ chức chính quyền, các ngành chuyên môn ở các cấp. Tuy nhiên, dưới đây chúng tôi sẽ không đề cập đến các chính sách vĩ mô vì ai cũng hiểu một chủ trương chính sách đúng hay không đúng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến vấn đề bảo tồn lễ hội. Mấy chục năm qua chúng ta đã có những bài học xương máu về vấn đề này chắc hẳn không cần nhắc lại.

Vấn đề chúng tôi muốn bàn ở đây là làm thế nào tạo được mối quan hệ hài hòa giữa Nhà nước và cộng đồng trong việc tổ chức và quản lý các lễ hội để có thể phát huy tốt nhất vai trò chủ thể của cộng đồng. Trong một thời gian dài và kể cả hiện nay, tùy theo lễ hội ở cấp trung ương hay địa phương, Nhà nước thường làm thay cộng đồng hay can thiệp quá sâu vào các công việc của lễ hội mà đáng ra phải là công việc thực sự của cộng đồng. Lễ hội đền Hùng là một ví dụ. Từ xa xưa, tế lễ tại đền Hùng là việc của dân làng ở xung quanh núi Nghĩa Lĩnh. Nay lễ hội này được nâng cấp trở thành quốc lễ, Nhà nước đã giành lấy việc tổ chức lễ hội, thuê người từ Hà Nội viết văn tế, các nghệ sĩ chuyên nghiệp đọc lời tế... Vai trò chủ động của cộng đồng gần như không còn nữa. Người dân ở các làng đó không còn được thực hành nghi lễ theo truyền thống nữa. Câu hỏi đặt ra: cách làm này có nên không? Có cách nào để đưa cộng đồng trở lại thực

sự làm chủ lễ hội đền Hùng mà vẫn giữ được tính chất là quốc lễ không? Chúng tôi cũng đã có lần đề nghị việc tế lễ ở đền Hùng nên trả lại cho dân làng ở địa phương thực hành như trước đây họ vẫn làm. Việc thực hành đó không làm giảm tính chất quốc lễ nhưng tăng được tính dân gian. Tính thiêng của đền Hùng không phải ở chỗ nhất thiết các vị quan chức cấp cao đại diện cho Nhà nước thực hành nghi lễ. Tính thiêng là ở tấm lòng thành; trước hồn thiêng sông núi và các vị quốc tổ, mọi người dân đều bình đẳng, bất kể sang hèn, quan hay dân, miễn là có một tấm lòng tưởng nhớ kính ngưỡng tổ tiên. Nếu chúng ta giải quyết thỏa đáng mối tương quan Nhà nước và cộng đồng trong mô hình quản lý lễ hội ở đền Hùng thì sẽ là bài học tốt cho nhiều lễ hội khác.

Cũng liên quan đến Nhà nước là sự xuất hiện và ngày càng phát triển xu hướng chính trị hóa các lễ hội dân gian. Việc tỉnh Ninh Bình mời Chủ tịch nước đi cày trong lễ Tịch điền mùa xuân vừa rồi<sup>2</sup>, sự tham gia của Phó thủ tướng, Phó chủ tịch nước vào việc đóng ấn đêm Rằm ở lễ hội đền Trần, phát lương ở đền Trần Thương mấy năm trước<sup>3</sup>... là những biểu hiện của chính trị hóa lễ hội. Nhiều ý kiến cho rằng, những sự xuất hiện như thế là không cần thiết, thậm chí có dư luận trong dân chúng cho rằng vô hình chung lãnh đạo quốc gia lại tham gia vào “quảng bá thương hiệu cho du lịch”. Tương tự, sự có mặt và dẫn đầu của lãnh đạo nhà nước ở tất cả các lễ hội là minh chứng cho sự chính trị hóa văn hóa, quốc gia hóa văn hóa địa phương (làm cho văn hóa địa

phương trở thành toàn quốc), dân tộc - quốc gia hóa văn hóa tộc người (làm văn hóa của một tộc người mà cụ thể là người Kinh trở thành của tất cả các dân tộc khác khác). Bản thân các lễ hội truyền thống đã mang tính văn hóa và chính trị rất tinh tế thông qua các biểu tượng và cách hành lễ của mình, vì vậy sự can thiệp của Nhà nước phải rất thận trọng nếu không sẽ phản tác dụng. Bởi vậy, các cơ quan quản lý văn hóa, chính quyền các cấp cần xem xét rất kỹ càng việc mời các vị lãnh đạo tham gia trực tiếp vào các hoạt động lễ hội truyền thống.

Sự can thiệp của Nhà nước quá sâu vào các lễ hội nhiều khi khiến lễ hội mất phương hướng. Trường hợp đền Trần ở Nam Định là một thí dụ. Cho đến những năm 90 thế kỷ trước, từ một lễ hội có tính địa phương nhưng vì muốn quảng bá du lịch, muốn chính trị hóa việc thờ cúng các vua Trần nên nhiều thông tin về ấn đền Trần đã được thổi phồng lên làm cho lễ hội này trở nên biến chất và quá tải. Từ lâu các nhà khoa học tại nhiều hội thảo đã nêu ra phương pháp/quan niệm bảo tồn có chọn lọc của Nhà nước trong việc phát huy các phong tục tập quán tốt đẹp, bài trừ, xóa bỏ những phong tục tập quán lạc hậu, trong đó có liên quan tới lễ hội hay nhiều thành tố của lễ hội đối với các hoạt động tâm linh... là thể hiện sự can thiệp quá sâu của Nhà nước đã ảnh hưởng tới lễ hội. Việc các cán bộ văn hóa hay cán bộ chính quyền ở các địa phương với tư cách là những người tham mưu cho chính quyền, cho cơ quan văn hóa đơn phương đánh giá/tự cho mình quyền phán quyết rằng phong tục này là tốt đẹp cần giữ gìn, còn phong tục tập quán kia là lạc hậu cần xóa bỏ, hay lễ hội này nên phục dựng hoặc lễ hội kia do gắn với tục hèm nào đó của cộng đồng thì bị cho là lạc hậu, mê tín nên

<sup>2</sup> <http://tuoitre.vn/Chinh-tri-Xa-hoi/475225/Chu-tich-nuoc-di-cay%2%A0trong-le-Tich-dien.html>

<sup>3</sup> <http://tintuc.xalo.vn/00-1920715985/Pho-Chu-tich-nuoc-Nguyen-Thi-Doan-tham-du-khai-hoi-Phat-luong-Du-c-Thanh-Tran.html>

không cho phép phục hồi... đều là biểu hiện của sự can thiệp quá sâu, nhiều khi thô bạo của Nhà nước. Sự can thiệp này được nhiều nhà khoa học khái quát thành quan niệm bảo tồn có chọn lọc của Nhà nước, do Nhà nước thực hiện thông qua các cán bộ quản lý văn hóa<sup>4</sup>. Trong khi đó, nguyên tắc để điều chỉnh, quản lý di sản là khuyến khích tôn trọng sự đa dạng văn hóa, tôn trọng các quyết định của chủ thể văn hóa. Vì vậy, việc đánh giá và phục hồi các lễ hội, xóa bỏ tập quán nào đó phải dựa trên ý nguyện, nhu cầu của cộng đồng, do chính cộng đồng bàn bạc, thương thảo và quyết định. Phải chăng cho đến nay, nhiều nơi, nhiều lúc nguyên tắc này vẫn còn bị vi phạm?

### 3. Vấn đề phục dựng và phục hồi các lễ hội cổ truyền

Trong trào lưu giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, nhiều lễ hội đã mất đi nay dần dần được phục hồi hoặc phục dựng lại. Đây là một vấn đề rất bức xúc và có nhiều quan điểm trái ngược nhau trong chỉ đạo, điều hành cũng như trong việc đánh giá chúng<sup>5</sup>.

Ở đây chúng tôi muốn nhấn mạnh đặc biệt đến đến vấn đề “tạo dựng truyền thống” (mà nhiều khi khái niệm tiếng Anh *Invention of Tradition* này được dịch là “sáng tạo truyền thống”). Đây là khái niệm do nhà sử học xã hội Mác-xít người Anh Eric Hobsbawm (cùng đồng nghiệp, T. Ranger) đề xướng từ năm 1983 (trong cuốn *The Invention of Tradition*,

Cambridge, 1983). Khái niệm này liên quan mật thiết không chỉ đến các khái niệm như “truyền thống”, “hiện đại”, mà còn gắn bó hết sức chặt chẽ với vai trò của Nhà nước và quá trình hình thành nhà nước - dân tộc và chủ nghĩa dân tộc/tính dân tộc.

Có lẽ nên hiểu chữ *invention* có nghĩa chính xác là *tạo dựng, làm nên, làm ra*. Vì ở Việt Nam dịch là “sáng tạo” nên sẽ chỉ nhìn thấy có hàm ý tốt hoặc tích cực. Vấn đề không phải là hàm ý tốt hay không tốt, tích cực hay tiêu cực, mà cần phải hiểu bản chất của việc tạo dựng ấy là gì. Quan niệm này cho rằng không có sự đối lập giữa “truyền thống” và “hiện đại”, hay nói cách khác, sự đối lập giữa truyền thống và hiện đại cũng chỉ là một quan niệm, cách hiểu mà thôi. Một khi đã là một cách hiểu thì tất nhiên nó phải mang tính chính trị hoặc có hàm ý chính trị (chính trị hiểu theo nghĩa rộng nhất tức là có chủ đích của người nói hoặc của người/nhóm chủ trương).

Không có cái gì là “truyền thống” thuần khiết cả, tức không có cái gì có thể chứng minh được là cổ xưa nguyên gốc *hơn một phiên bản khác*. Tất cả chỉ là quy ước và cách hiểu, cách hiểu nào mạnh hơn, chủ lưu hơn, thì sẽ chiếm ưu thế. Chẳng hạn trong suốt nửa sau thế kỷ 20, tất cả đều lấy “trước Cách mạng tháng Tám” làm gốc/mốc, cứ lễ hội hoặc cái gì diễn ra vào trước Cách mạng tháng Tám thì được coi là truyền thống. Cách mạng tháng Tám thực ra chỉ là một cái mốc quy ước được chấp nhận ở Việt Nam đương đại mà thôi, không có gì khẳng định hoặc chứng minh được rằng những gì được thực hành trong lễ hội trước năm 1945 đúng là thực sự cổ xưa nguyên gốc. Ai có thể chứng minh được rằng Hội Phù Đổng được miêu tả rất chi tiết vào năm 1937 - 1938 là thực sự cổ xưa nguyên gốc hay cũng chỉ là sản phẩm tạo

<sup>4</sup> <http://www.nhandan.com.vn/cmlink/nhandancuoituan/nhan-dan-cu-i-tu-n/v-n-hoa/trao-i-ki-n/b-o-t-n-ch-n-l-c-va-s-nh-m-l-n-khai-ni-m-1.337684> (Bảo tồn có chọn lọc và sự nhầm lẫn khái niệm)

<sup>5</sup> <http://www.nhandan.com.vn/cmlink/nhandancuoituan/nhan-dan-cu-i-tu-n/v-n-hoa/trao-i-ki-n/v-v-n-ph-c-d-ng-va-tai-hi-n-l-h-i-1.333446>;  
<http://www.nhandan.com.vn/cmlink/nhandancuoituan/nhan-dan-cu-i-tu-n/v-n-hoa/trao-i-ki-n/san-kh-u-hoa-va-sang-t-o-truy-n-th-ng-1.339069>

dựng của những người dân làng vào thời điểm đó dựa trên trí nhớ truyền miệng, và rất có thể đã chịu ảnh hưởng và sức ép của nỗi lo truyền thống sẽ bị mai một vào lúc bấy giờ? Tương tự, rất có thể vào thời những năm 40 thế kỷ trước, người ta sẽ lại cho rằng phải lấy mốc 1858 (trước khi Pháp xâm lược) mới thực sự là “truyền thống”. Những cái mốc này rõ ràng chỉ là quy ước và được chấp nhận bởi dòng tư duy chủ lưu của thời đại, với những hàm ý chính trị của thời đại. Mọi thực hành nghi lễ văn hóa, xã hội, chính trị đều là tạo dựng, hiểu theo nghĩa phải do con người/xã hội làm nên, cho dù là dựa trên trí nhớ hoặc văn bản, và cho dù kèm theo những lời tuyên bố về giá trị đều mang tính chính trị, tức có một thứ chủ đích hoặc hàm ý nào đó mang tính đương đại và nhằm vào tương lai. Khi nói “tạo dựng” là trung tính nhất và lột tả được một cách rõ ràng, chân thực nhất quá trình làm nên văn hóa (trong đó có truyền thống) này. Như vậy, một lễ hội, nghi lễ, hay một sự kiện văn hóa luôn là một sự tạo dựng với những yếu tố từ trong quá khứ (dựa trên thói quen, trí nhớ, văn bản) và những yếu tố đương đại (chính trị) và thông điệp tương lai (hàm ý chính trị).

Chính vì không có một thứ gọi là “truyền thống” tuyệt đối, cho nên cũng không có một thứ gọi là hiện đại, và việc phân biệt “mới” và “cũ” cũng trở nên vô nghĩa, nếu cứ sa đà vào đó là lạc hướng. Vấn đề là nhìn ra được những động năng kinh tế, văn hóa, xã hội và chính trị trong quá trình tạo dựng truyền thống này. Về vai trò của Nhà nước, nhà nước - quốc gia, và tính dân tộc hoặc chủ nghĩa quốc gia dân tộc trong quá trình tạo dựng truyền thống: khi một nhà nước - dân tộc đang trong quá trình hình thành và tiếp tục phải củng cố vị thế của nó trong những tình huống bị thách thức, nó luôn cần có một thứ *thẩm quyền* hoặc chính danh

(authority). Thẩm quyền này lấy từ đâu? Từ “Mệnh Trời”, “Thiên Thu” từ vạn cổ nghìn xưa, càng xa xưa càng tốt (Hồng Bàng, con Rồng cháu Tiên, vua Hùng...). Càng đẩy về xa trong quá khứ bao nhiêu, và càng chứng minh được tính *tự nhiên vốn có* bao nhiêu (chứ không phải tạo dựng, đối lập với tạo dựng) thì sự tồn tại của đất nước Việt Nam như một quốc gia lại càng được khẳng định bấy nhiêu. Chính vì vậy mới sinh ra việc đẩy vua Hùng lên làm quốc tổ thông qua hàng loạt nghi lễ, đền thờ trên toàn quốc, lập ra ngày nghỉ chính thức... và quốc gia hóa, chính trị hóa các nghi lễ này. Rõ ràng, đây là một sự tạo dựng truyền thống: từ một thực hành văn hóa của người Việt trung du Bắc Bộ đã được mở rộng, đề cao, phóng đại trở thành một thứ nghi lễ mang tính quốc gia và của các dân tộc/tộc người khác (truyền thống mới).

Tạo dựng truyền thống, vì thế, là một công cụ, vô thức và có ý thức, của mọi nhà nước hoặc chính thể trên thế giới nhằm củng cố cho thẩm quyền chính danh của mình trong thời hiện đại và trước những thách thức trong và ngoài về chính trị<sup>6</sup>. Tương tự, các cộng đồng hoặc nhóm xã hội cũng tích cực chủ động hoặc vô thức dùng công cụ này để củng cố cho sự tồn tại và phát triển của mình trong sự cạnh tranh tồn tại. Đứng trước xu hướng chính trị hóa văn hóa đang diễn ra ở Việt Nam, một nhà khoa học xã hội làm nhiệm vụ phân tích và phê bình chính sách về di sản, về lễ hội hiện nay cần có thái độ như thế nào? Thay vì cố đi tìm cái cũ, cái cổ xưa, hoặc bảo vệ, cố xúi cho những gì gọi là nguyên gốc và địa phương và phê phán những gì được cho là mới, lai căng... (tức là sa vào cái bẫy “truyền thống” đối lập với “hiện đại”, tương tự cũng sa tiếp vào bẫy đối lập giữa địa

<sup>6</sup> Xem <http://clip.vn/?fm=se&id=TORybw==>

phương/cộng đồng và nhà nước - quốc gia), cần phải tập trung vào lộ trình quá trình tạo dựng này: những động năng/động cơ về kinh tế, chính trị, xã hội ở bên trong việc tạo dựng truyền thống (mà nói rộng ra là mọi thực hành văn hóa) ở nước ta hiện nay là gì? Chỉ khi chỉ ra được một cách xác đáng những động năng nói trên mới có thể hiểu được ai/những ai được lợi và chịu thiệt trong quá trình này, rồi từ đó đưa ra những khuyến nghị có lợi cho đa số dân chúng thay vì một thiểu số đặc quyền đặc lợi hoặc chỉ phục vụ cho tuyên truyền đơn thuần, có lợi cho việc bảo tồn di sản văn hóa và các lễ hội.

Vấn đề phục hồi, phục dựng các lễ hội truyền thống liên quan mật thiết đến việc cân bằng giữa bảo tồn di sản văn hóa và quá trình hiện đại hóa luôn mang tính thời sự của xã hội và đặc biệt của ngành văn hóa. Thực ra điều này không mới, từ lâu đã được đề cập, nhưng chúng lại ngày càng trở nên cấp bách hơn, có tính khẩn thiết hơn, nhất là khi đời sống kinh tế - xã hội đang từng bước được nâng cao, giao lưu quốc tế mở rộng, nhu cầu tâm lý xã hội thay đổi, việc đầu tư cho phát triển được đẩy mạnh, quá trình hiện đại hóa gia tăng mạnh mẽ. Hơn nữa, nhiều bất cập tuy đã đặt ra từ lâu nhưng lại không/chưa được giải quyết một cách thấu đáo về mặt lý thuyết cũng như chính sách quản lý văn hóa nên mặc dù các cơ quan quản lý và thực hành văn hóa có rất nhiều cố gắng, làm được rất nhiều việc nhưng trên thực tiễn vấn đề này luôn luôn trở nên nóng bỏng và bức xúc, nhiều khi khó phân biệt và đánh giá đâu là đúng, đâu là sai, ranh giới mong manh giữa bảo tồn, phát huy hay phá hoại di sản. Vừa qua, ngay sau sự kiện đón nhận sự “vinh danh” “Di sản cần bảo vệ khẩn cấp” của Hát Xoan ở Phú Thọ, trên các phương tiện thông tin đại chúng đã nổ ra một cuộc tranh luận sôi nổi về hát xoan cổ và

hát xoan cải biên theo chèo giữa nhiều nhà nghiên cứu và các nhà quản lý văn hóa ở Phú Thọ. Báo Tuổi trẻ viết: “Cải biên lời hoá xoan cổ, ghép nhạc mới... đang trở nên thịnh hành. Coi đó là một cách thử nghiệm để quảng bá rộng rãi đến công chúng, nhưng việc tạo ra một loại hình “xoan mới” (với lời hát, điệu bộ được cải biên) để quảng bá hát xoan đang vấp phải sự phản đối gay gắt của các nhà nghiên cứu lẫn nghệ nhân hát xoan”. Ý kiến rất khác nhau và điều nguy hại là sự đúng sai, chân giá trị và ngụy giá trị, không được làm sáng tỏ, việc ai nói cứ nói, việc ai làm cứ làm và hậu quả là ảnh hưởng trực tiếp tới di sản. Những trường hợp tương tự như thế này nhiều lắm, diễn ra thường xuyên nhưng nhiều câu hỏi lại luôn được đặt ra: có nên và tại sao lại phải phục dựng lễ Tịch điền của nhà vua ở Đọi Sơn khi nghi lễ này đã mất đi hàng bao thế kỷ nay? Cổ súy cho một nghi lễ như thế để làm gì? Nó có lợi cho ai? Cũng những câu hỏi như thế với việc sắp tới ngành văn hóa ở Hà Nội lại có ý định cho phục dựng lễ hội Đền Quảng chiếu ở Hoàng thành Thăng Long, một lễ hội đã chết từ thế kỷ 11, mà hơn nữa gần như chẳng còn tư liệu... Những vấn đề lý luận và thực tiễn như thế hầu như không được mổ xẻ đến nơi đến chốn, đến tận gốc để tìm ra căn nguyên của sự việc, để từ đó định hướng cho việc tiếp tục bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa. Cho nên cái sai cứ tiếp tục sai, cứ kéo dài mãi, căn bệnh ngày càng trở nên trầm trọng.

#### **4. Vấn đề khái niệm mê tín dị đoan và việc sử dụng nó trong quản lý lễ hội**

Một thời gian dài nhiều lễ hội và thực hành tín ngưỡng không được thực thi nên bị mai một, mất dần. Hiện nay vẫn còn nhiều di sản chưa phục hồi lại được. Chuyện phục hồi hay không còn phụ thuộc vào sự nhìn nhận, đánh giá của mỗi địa phương. Nguyên nhân

thì nhiều nhưng một trong những sức cản lớn đối với bảo tồn di sản văn hóa, theo chúng tôi, chính là việc tiếp tục sử dụng một khái niệm công cụ đã hết sức lỗi thời là “mê tín dị đoan” trong quản lý văn hóa. Ở địa phương nhiều khi cán bộ quản lý văn hóa ở các cấp khác nhau vẫn giữ vai trò quyết định, vẫn nhìn nhận di sản này, di sản khác thậm chí đơm những yếu tố “mê tín dị đoan” nên đã hạn chế hoặc không tạo điều kiện cho cộng đồng phục hồi lễ hội hay thực hành niềm tin như các hèm của làng mình. Việc phục hồi và bảo tồn di sản phi vật thể nhiều khi chưa xuất phát từ nhu cầu tâm linh của cộng đồng, từ đòi hỏi thực sự của xã hội<sup>7</sup>. Cùng với chính sách chung là khuyến khích bảo tồn các di sản văn hóa, lễ hội là việc Nhà nước luôn chủ trương chống hoặc bài trừ mê tín dị đoan trong các hoạt động đó. Nhiều chỉ thị, nghị định, thông tư của Chính phủ hay của Bộ Văn hóa - Thể thao - Du lịch gần đây vẫn đề cập đến việc chống mê tín dị đoan, cấm dùng vàng mã<sup>8</sup>. Đề án Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số đến năm 2020 mới được Thủ tướng chính phủ phê duyệt cũng đề cập xóa bỏ các hủ tục<sup>9</sup>.

<sup>7</sup> Xem <http://dzunglam.blogspot.com/2010/03/bui-quang-thangtoi-lam-le-hoi-e-thoa.html>; <http://baodatviet.vn/Home/congdongviet/Ve-tren-nguoi-trong-le-hoi-Lanh-Giang-la-phi-bang-than-thanh/20097/51461.datviet>;

<http://www.baomoi.com/Phai-giu-tinh-bieu-tuong-va-mo-thuc-cua-le-oi/137/3038651.epi>;

[http://www.vanhoahoc.vn/index.php?option=com\\_content&view=article&id=1402%3Ale-hoi-den-lanh-giang-cach-tan-hay-tha-hoa&Itemid=34&catid=58%3A](http://www.vanhoahoc.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=1402%3Ale-hoi-den-lanh-giang-cach-tan-hay-tha-hoa&Itemid=34&catid=58%3A)

<sup>8</sup> [http://vbqpl.moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View\\_Detail.aspx?ItemID=25491](http://vbqpl.moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=25491) (Nghị định 75/ 2010/NĐ-CP ngày 12/10/2010 Quy định xử phạt hành chính trong hoạt động văn hóa); <http://thuvienphapluat.vn/archive/Thong-tu/Thong-tu-09-2010-TT-BVHTTDL-huong-dan-Nghi-dinh-75-2010-ND-CP-vb110686t23.aspx>

<sup>9</sup> <http://thuvienphapluat.vn/archive/Quyết-dinh/Quyết-dinh-1270-QĐ-TTg-phe-duyet-De-an-Bao-ton-phan-trien-van-hoa-dan-toc-vb127103t17.aspx>

Nhìn ngược lại gần 70 năm qua, một trong những trụ cột của chính sách phát triển văn hóa là chống mê tín dị đoan. Chính sách này cho đến những năm 80 của thế kỷ trước đã làm hủy hoại biết bao giá trị văn hóa cả vật thể và phi vật thể. Nhiều đền, chùa, miếu mạo bị tàn phá. Đình bị bỏ hoang hay thành kho của hợp tác xã. Hầu hết các lễ hội không được thực hành vì bị quy chụp là “mê tín dị đoan” do thực hành các tín ngưỡng. Thời đó, quan niệm tín ngưỡng, tôn giáo là đi liền với mê tín dị đoan. Lên đồng (hoặc hầu bóng, cầu cơ) bị cấm. Lễ cấp sắc của các dân tộc cũng bị cấm. Xóa bỏ lễ đâm trâu, các lễ cúng giàng, cúng bó nước<sup>10</sup>. Về sau, nhờ Đổi mới, xuất hiện khái niệm tâm linh được sử dụng thay cho tín ngưỡng để tránh/khỏi bị quy chụp. Tâm linh là văn hóa (nhưng thực chất vẫn là tín ngưỡng, là tôn giáo). Vì thế, việc phục hồi lễ hội mới có cơ hội phát triển.

Trước hết, “mê tín dị đoan” không phải là một khái niệm khách quan trung tính mà tự trong bản thân nó đã mang tính giá trị, định giá. Bất cứ một khái niệm mang tính giá trị/định giá nào cũng thể hiện quan điểm lựa chọn (thiên vị hoặc bài trừ) của người hoặc nhóm sử dụng, đề cao và sử dụng khái niệm đó làm công cụ chính trị. Quan niệm về mê tín dị đoan thực ra có từ thời phong kiến, từ khi Phật giáo du nhập, rồi Khổng giáo. Nhà nghiên cứu Đào Thái Tôn đã khảo cứu khá kỹ lưỡng về khái niệm này<sup>11</sup>. Những gì không đúng/đi ngược các giáo lý của các tôn giáo ấy đều bị quy là mê tín dị đoan. Theo hệ tư tưởng của Nhà nước theo Khổng giáo, những cái khác, như Đạo giáo, Thiên chúa giáo là

<sup>10</sup> <http://tuanvietnam.vietnamnet.vn/2010-12-05-truc-loi-nghi-le-la-xuc-pham-van-hoa>

<sup>11</sup> <http://tapchisonghuong.com.vn/index.php?main=newsdetail&pid=0&catid=7&ID=5220&shname=Ve-bon-chu-me-tin-di-doan>

mê tín dị đoan, “tà đạo”. Nói một cách khác, khái niệm mê tín dị đoan là một khái niệm mang tính công cụ để Nhà nước trung ương phân biệt giữa chính giáo và tà giáo, để quy kết, quy chụp, bài trừ, loại bỏ, thậm chí đàn áp những thực hành rất phổ biến trong dân chúng nhưng đi ngược lại với tôn giáo được lựa chọn là chính thống. Chính vì vậy mà tạo ra sự đối lập, nhiều khi đối kháng, thậm chí đổ máu mà chúng ta đã thấy diễn ra suốt nhiều thế kỷ, nhất là các thế kỷ 16, 17, 18.

Đến thời hiện đại, Nhà nước của chúng ta không những không phê phán quan điểm mang tính lựa chọn thiên lệch này mà đáng tiếc thay, lần theo rãnh xe cũ, tiếp tục sử dụng công cụ đó trong các vấn đề về văn hóa và tôn giáo. Cái gì không phải duy vật hoặc phù hợp với ý thức hệ duy vật thì bị quy là mê tín dị đoan, cần hạn chế, xóa bỏ.

Ở đây, chúng ta có thể nhìn rộng ra thế giới bên ngoài. Theo giáo sư Oscar Salamink, về lịch sử, ý niệm về mê tín dị đoan xuất hiện trong bối cảnh đạo của các đạo đơn thần/độc thần như Cơ đốc giáo, Hồi giáo, Do thái giáo. Các tôn giáo đơn/độc thần xuất phát từ vùng Trung đông có những vị chúa/thần ghen tị nhau và không cho phép những tín đồ của mình thờ phụng những vị thần/chúa/sinh linh khác (trái ngược với truyền thống tôn giáo ở các nơi khác trên thế giới, trong đó có châu Á). Cả 3 tôn giáo đơn thần này đặt tên cho tất cả những thực hành tôn giáo - nghi lễ khác là ngoại đạo và kiêu ma giáo. Cũng giống như khái niệm chính thống và dị giáo trong Khổng giáo ở Trung quốc. Mê tín dị đoan được gắn kết với ý niệm về ngoại đạo, bởi vì nó gắn với cách thực hành những nghi lễ vô ích (bởi lẽ nó là niềm tin lầm lạc). Do vậy, nó loại bỏ việc thờ phụng những vị chúa “giả” mà hướng tất

cả tới cầu nguyện cho vị Chúa “thật” và mong chờ phép màu nhiệm.

Trong kỷ Khai sáng ở phương Tây (thế kỷ 17 - 19), Cơ đốc giáo mất quyền kiểm soát đơn/độc thần giáo trong bối cảnh phát triển các ngành khoa học và phi tôn giáo, và sự phân tách quyền lực giữa Nhà nước và nhà thờ. Những điều này làm thay đổi các tôn giáo đơn/độc thần: không gian của tôn giáo trở nên riêng biệt hơn và các niềm tin tôn giáo trở thành các niềm tin duy lý dựa trên các phép ẩn dụ của Kinh thánh hơn là hiểu theo nghĩa đen. Cơ đốc giáo cũng như các tôn giáo khác bắt đầu phủ nhận các hoạt động ma thuật, coi chúng như là phi khoa học, không có giá trị và do đó phi tôn giáo và chính là mê tín dị đoan. Cùng thời điểm đó, Nhà nước phát triển các thể chế và thủ tục hành chính dựa trên quan niệm thể tục và phi tôn giáo, và ủng hộ những quan điểm khoa học trong giáo dục, y tế, sức khỏe... Tất cả thực hành nghi lễ nhằm tạo ra sự ảnh hưởng trong thế giới thực này được coi là mê tín dị đoan. Trong y học, nó trở thành lý do để buộc tội các bà lang, bà mụ, những thầy lang chữa bệnh bằng thuốc lá, rễ cây... và coi họ như phù thủy, lang băm.

Ý mà chúng tôi muốn trao đổi ở đây là không có một cơ sở hoặc tiêu chuẩn khách quan nào để gọi là “mê tín dị đoan”; thuật ngữ này luôn được sử dụng bởi những người ở phe đối lập để tạo ra sự nghi ngờ cho các thực hành nghi lễ. Những người đối lập này có thể đại diện cho các tôn giáo, hoặc là người đại diện cho các quan niệm khoa học, vô thần, đại diện cho hệ tư tưởng chính trị”<sup>12</sup>.

<sup>12</sup> <http://36pho.vn/index.php/di-san-van-hoa/5148-toa-dam-khoa-hoc-me-tin-di-doan-tu-quan-niem-hoc-thuat-den-ung-xu-trong-doi-song.html>

Chúng tôi được biết, cho đến nay, ở các nước tiên tiến và văn minh, không nước nào còn dùng khái niệm “mê tín”, “dị đoan” hay “mê tín dị đoan” như một khái niệm công cụ trong các văn bản nhà nước, trong chính sách quản lý văn hóa nữa. Người ta đã từ bỏ/thay thế quan niệm này bằng quan niệm mới hơn: tôn trọng sự đa dạng văn hóa. Các công ước của UNESCO về đa dạng văn hóa, văn hóa phi vật thể, nhân quyền... chính là cách để từ bỏ, đoạn tuyệt với những quan niệm cũ luôn tạo ra sự đối lập trong cộng đồng mà không khuyến khích tôn trọng sự tự do tín ngưỡng. Nhận thức về vấn đề này, các xã hội văn minh khác đã tiến một bước khá xa so với chúng ta rồi.

Trên thực tế, ranh giới mê tín và không mê tín rất mong manh. Chính sự mong manh này mà người ta ngăn cấm hết cái này đến cái khác, và thẩm quyền quy định nằm trong tay những người có thẩm quyền hay các cơ quan văn hóa. Dự thảo Thông tư liên bộ về Tăng cường thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo” (4/2012) vẫn tiếp tục chống mê tín dị đoan và cấm đốt vàng mã.

Mặt khác, tôn giáo và văn hóa càng được thực hành tự do và đa dạng bao nhiêu thì sự an toàn toàn diện của từng cá nhân trong xã hội và các nhóm xã hội càng phải được pháp luật bảo vệ bấy nhiêu. Theo quan điểm của PGS. TS. Luật học Nguyễn Đăng Dung, Đại học quốc gia Hà Nội, cần nghiên cứu và xác định cơ sở pháp lý về vấn đề mê tín dị đoan như thế nào? Vấn đề là phải phân biệt được người lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng để làm hại người khác về thân thể, vật chất và tinh thần. Cần phải quan niệm tự do tín ngưỡng là có giới hạn, giới hạn đó là sự bảo vệ an toàn cho xã hội, đó là sự không xâm hại

đến người khác, đến cộng đồng, không kích động chiến tranh, không gây hận thù<sup>13</sup>. Vấn đề cần phải quản lý theo luật pháp, điều chỉnh theo pháp luật. Những gì mà người lợi dụng tôn giáo làm mà vi phạm luật pháp thì cần bị xử phạt.

Chúng tôi cho rằng, các nhà khoa học và các nhà quản lý văn hóa, xã hội nên bàn kỹ lưỡng về vấn đề quan trọng này vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến các lễ hội nói riêng và nền văn hóa của chúng ta nói chung. Theo chúng tôi, ở các lĩnh vực quản lý kinh tế, chính trị nhiều khái niệm, quan niệm trước đây vẫn quen dùng, thậm chí là những khái niệm rất cơ bản nhưng hiện nay đã đổi mới hoặc thay đổi. Trong khi, lĩnh vực văn hóa đổi mới còn quá chậm, kể cả các vấn đề liên quan trực tiếp đến khái niệm/quan niệm về “mê tín dị đoan”. Do vậy, cho đến lúc này đã quá chậm khi đặt ra vấn đề loại trừ/loại bỏ công cụ quản lý văn hóa/khái niệm “mê tín dị đoan” trong đời sống xã hội. Sắp tới Hiến pháp sẽ sửa đổi. Khái niệm này cũng cần nghiên cứu để đề xuất đưa ra khỏi Hiến pháp vì nó trái với nhiều văn bản pháp luật khác như tôn trọng tự do tín ngưỡng, đa dạng văn hóa đã được thừa nhận.

Trên đây là suy nghĩ của chúng tôi về một số khái niệm cơ bản liên quan đến việc bảo tồn và phát huy giá trị của các lễ hội. Những khái niệm ấy cần được thảo luận kỹ và có những kết luận thỏa đáng để thúc đẩy và làm lành mạnh hóa các hoạt động liên quan đến lễ hội, chấm dứt những sự trì trệ kéo dài gây bức xúc cho xã hội, chấm dứt những sự cấm đoán tùy tiện trong các hoạt động của lễ hội.

<sup>13</sup> <http://36pho.vn/index.php/di-san-van-hoa/5148-toa-dam-khoa-hoc-me-tin-di-doan-tu-quan-niem-hoc-thuat-den-ung-xu-trong-doi-song.html>